

Số: 341 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2022

### KẾT LUẬN THANH TRA

#### Về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, công tác quản lý tài chính, tài sản tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long

Thực hiện Quyết định thanh tra số 470/QĐ-TTr ngày 13/10/2022 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là LĐTĐBXH) về thanh tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, công tác quản lý tài chính, tài sản tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long, từ ngày 24/10/2022 đến ngày 29/10/2022, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là Trường).

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 08/11/2022 của Trường đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ LĐTĐBXH kết luận như sau:

#### A. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Tên đơn vị: Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long

2. Địa chỉ: Số 73 Nguyễn Huệ, phường 2, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Email: spkvtl@vlute.edu.vn

- Website: <http://www.vlute.edu.vn>

- Điện thoại: 02703822141; Fax: 3821003

#### 3. Lịch sử thành lập

- Quyết định thành lập số 2152/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long.

- Khái quát về lịch sử phát triển của Trường: tiền thân của Trường là Trường kỹ thuật Vĩnh Long, được thành lập ngày 01/02/1960; năm 1975, Trường được chuyển về Tổng cục đào tạo công nhân kỹ thuật thuộc Bộ LĐTĐBXH với tên mới là Trường Giáo viên dạy nghề Cửu Long; năm 1980, Trường đổi tên thành Trường Sư phạm kỹ thuật 4; năm 1997, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định nâng cấp Trường Sư phạm kỹ thuật 4 thành Trường Cao đẳng Sư phạm kỹ thuật 4, sau đổi thành Trường Cao đẳng Sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long; năm 2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2152/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 thành lập Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long (trên cơ sở nâng cấp từ Trường Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long).

#### 4. Chức năng, nhiệm vụ

Trường được giao chức năng, nhiệm vụ tại Quyết định số 1785/QĐ-LĐTĐBXH ngày 21/11/2013 của Bộ LĐTĐBXH (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1785). Theo đó, Trường là cơ sở giáo dục đại học công lập, trực thuộc Bộ LĐTĐBXH, chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo,



có chức năng đào tạo giáo viên dạy nghề trình độ đại học và cao đẳng; đào tạo nhân lực trình độ đại học và cao đẳng các chuyên ngành kỹ thuật, công nghệ; đào tạo nghề các cấp trình độ; nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ giáo dục, đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội.

Trường là đơn vị sự nghiệp có thu, tự chủ một phần kinh phí hoạt động thường xuyên, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

## **B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH**

### **I. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Quyết định số 1785/QĐ-LĐTBXH ngày 21/11/2013**

#### **1. Việc ban hành các quy chế, quy định áp dụng trong hoạt động của Trường**

Trong thời kỳ thanh tra, Trường đã ban hành 08 quy chế, 09 quy định để áp dụng cho các hoạt động giảng dạy, quản lý nội bộ của Trường (*chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo*).

#### **2. Việc xây dựng chiến lược, kế hoạch tổng thể phát triển nhà trường qua từng giai đoạn, kế hoạch hoạt động hàng năm**

Đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2030; Kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 30-KH/ĐHSPKTVL ngày 31/12/2015 của Hiệu trưởng; Kế hoạch công tác năm học 2021-2022 (Kế hoạch số 47/KH-ĐHSPKTVL ngày 09/9/2021).

#### **3. Việc tổ chức tuyển sinh, đào tạo, quản lý người học**

##### **3.1. Năm 2021:**

- Kết quả tuyển sinh: 2.535 người học. Trong đó, trình độ thạc sĩ: 49 học viên, trình độ đại học: 2.486 sinh viên (gồm 2.093 sinh viên chính quy và 393 sinh viên hệ vừa làm vừa học).

- Kết quả đào tạo: 2.190 sinh viên tốt nghiệp (trong đó có 1.543 sinh viên chính quy và 647 sinh viên hệ vừa làm vừa học); 37 học viên tốt nghiệp cao học.

##### **3.2. Năm 2022:**

- Kết quả tuyển sinh: 2.296 người học. Trong đó, trình độ tiến sĩ: 05 người, thạc sĩ: 36 học viên, trình độ đại học: 2.255 sinh viên (gồm 2.035 sinh viên chính quy và 220 sinh viên hệ vừa làm vừa học).

- Kết quả đào tạo: 1.676 sinh viên tốt nghiệp (trong đó có 1.342 sinh viên chính quy và 334 sinh viên hệ vừa làm vừa học); 137 học viên tốt nghiệp cao học.

#### **4. Việc đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, giáo viên**

- Năm 2021: đã tổ chức 37 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trong đó có 06 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho nhà giáo dạy trình độ cao đẳng (147 người); 31 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho nhà giáo dạy trình độ sơ cấp (842 người).



- Năm 2022: đã tổ chức 19 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trong đó có 02 lớp kỹ năng dạy học (65 người); 01 lớp biên soạn giáo án và tổ chức dạy học tích hợp, tổ chức đào tạo và đánh giá theo năng lực thực hiện (40 người); 07 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho nhà giáo dạy trình độ cao đẳng (26 người), 19 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho nhà giáo dạy trình độ sơ cấp (310 người).

#### **5. Việc tự đánh giá chất lượng giáo dục**

Đã ban hành Kế hoạch số 127/KH-ĐHSPKTVL-KT ngày 29/09/2021 về đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2021 - 2022; Kế hoạch số 131/KH-ĐHSPKTVL-KT ngày 30/09/2021 về nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng năm học 2021-2022; Kế hoạch số 132/KH-ĐHSPKTVL-KT ngày 30/09/2021 về rà soát hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng trong Trường năm học 2021-2022.

Đã ban hành Kế hoạch số 61/ĐHSPKTVL-KT ngày 11/3/2022 về thực hiện kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; ban hành kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (các ngành công nghệ kỹ thuật nhiệt, công tác xã hội, công nghệ thực phẩm, công nghệ sinh học, thú y và kỹ thuật điện – thạc sĩ); đánh giá 06 chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn ASIIN của Cộng hòa Liên bang Đức (04 ngành đại học gồm công nghệ kỹ thuật cơ khí, công nghệ kỹ thuật ô tô, công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, công nghệ thông tin; 02 ngành thạc sĩ gồm kỹ thuật cơ khí và công nghệ thông tin); tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục giữa chu kỳ theo Kế hoạch số 77/ĐHSPKTVL-KT ngày 31/3/2022 và Kế hoạch số 91/ĐHSPKTVL-KT ngày 22/4/2022.

#### **6. Việc thực hiện chính sách xã hội đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội, ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn**

Trong năm học 2020-2021, đã thực hiện miễn học phí cho 13 sinh viên (theo Quyết định số 44/QĐ-ĐHSPKTVL-CT ngày 26/10/2020 của Hiệu trưởng); giảm học phí (70%) cho 55 sinh viên (theo Quyết định số 45/QĐ-ĐHSPKTVL-CT ngày 26/10/2020 của Hiệu trưởng).

Trong năm học 2021-2022, đã thực hiện miễn học phí cho 19 sinh viên có hoàn cảnh khó khăn (theo Quyết định số 08/QĐ-ĐHSPKTVL-CTSV ngày 20/10/2021 của Hiệu trưởng); giảm học phí (70%) cho 28 sinh viên đại học là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo (theo Quyết định số 09/QĐ-ĐHSPKTVL-CTSV ngày 20/10/2021 của Hiệu trưởng).

#### **7. Việc hợp tác quốc tế về đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ**

Trường đã cử 03 đoàn cán bộ, giảng viên, sinh viên ra nước ngoài dự thi kỹ năng nghề thế giới và 03 đoàn cán bộ tham dự hội thảo báo cáo khoa học; cử 02 đợt sinh viên tham dự khóa học mùa hè và mùa xuân tại Đại học



KoreaTech; lập hồ sơ mở ngành mới liên hệ với Đại học Tongmyong (Hàn Quốc) theo chương trình 2+2.

Liên kết với Trường Đại học Tongmyong (Hàn Quốc) để đào tạo trình độ kỹ sư 02 ngành đào tạo công nghệ thông tin và công nghệ kỹ thuật ô tô; triển khai chương trình liên kết đào tạo 05 ngành: công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật ô tô, công nghệ kỹ thuật điện - điện tử, công nghệ kỹ thuật cơ khí, du lịch.

Liên kết với Trường Đại học Aix-Marseille (Pháp) để hợp tác trong các hoạt động nghiên cứu và đào tạo, các chương trình trao đổi sinh viên và giảng viên; ký kết hợp đồng hợp tác tuyển sinh và đào tạo kỹ sư làm việc tại Nhật Bản với Công ty TNHH Esuhai để triển khai “Chương trình đào tạo Kỹ sư làm việc Nhật Bản” gồm 10 ngành đào tạo: công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, công nghệ kỹ thuật giao thông (chuyên sâu kỹ thuật xây dựng cầu đường), công nghệ sinh học, công nghệ thực phẩm, kỹ thuật cơ khí động lực, công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, công nghệ chế tạo máy, công nghệ kỹ thuật điện - điện tử; công nghệ kỹ thuật cơ khí; công nghệ kỹ thuật ô tô.

Hợp tác kiểm định các chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn ASIIN (Liên bang Đức) để triển khai thực hiện kiểm định 06 chương trình đào tạo: Đại học Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Đại học Công nghệ kỹ thuật ô tô, Đại học Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Thạc sĩ Kỹ thuật cơ khí, Đại học Công nghệ thông tin và Thạc sĩ công nghệ thông tin; hợp tác với Công ty TNHH CJ VINA AGRI (Hàn Quốc) đào tạo, nghiên cứu khoa học, tuyển dụng việc làm, thực tập thực tế ngành thú y.

Hoạt động khoa học và công nghệ: có 94 đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu, là sản phẩm khoa học công nghệ cấp trường; có 01 đề tài cấp nhà nước, 02 đề tài cấp Bộ (đã nghiệm thu cơ sở, chờ nghiệm thu cấp Bộ) và 02 sáng kiến khoa học, kỹ thuật được Hiệu trưởng công nhận (tại Quyết định số 35/QĐ-ĐHSPKTVL-QLKH ngày 06/12/2021).

## **II. Công tác tổ chức, cán bộ**

### **1. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Trường**

#### **1.1. Cơ cấu tổ chức:**

- Hội đồng Trường gồm Chủ tịch Hội đồng Trường, Thư ký Hội đồng Trường và 15 thành viên; Ban Giám hiệu gồm Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng.

- 07 phòng chức năng gồm: phòng Đào tạo, phòng Tổ chức - Hành chính, phòng Kế hoạch - Tài chính, phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế, phòng Quản trị - Thiết bị, phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, phòng Công tác sinh viên.

- 09 khoa chuyên môn gồm: khoa Khoa học cơ bản, khoa Lý luận chính trị, khoa Cơ khí, khoa Cơ khí động lực, khoa Điện - Điện tử, khoa Công nghệ thông tin, khoa Kinh tế - Luật, khoa Sư phạm kỹ thuật và Xã hội nhân văn, khoa Khoa học sinh học ứng dụng.

- 05 trung tâm trực thuộc Trường gồm: Trung tâm Đào tạo sau đại học - Bồi dưỡng chuyên môn, Trung tâm thực hành, Trung tâm Giáo dục thể chất -



Quốc phòng an ninh, Trung tâm Truyền thông - Thông tin thư viện, Trung tâm Ngoại ngữ.

*(Số lượng viên chức, người lao động của từng phòng, khoa, trung tâm tại Phụ lục số 02 kèm theo).*

Kiểm tra số lượng viên chức, người lao động tại các phòng, khoa, trung tâm cho thấy: 07/7 phòng, 05/9 khoa, 05/5 trung tâm chưa đủ số lượng viên chức để thành lập phòng theo quy định.

Đối chiếu các phòng, khoa, trung tâm hiện tại của Trường với Quyết định số 1785/QĐ-LĐTBXH của Bộ LĐTBXH cho thấy:

- 09 đơn vị (phòng, khoa, trung tâm, bộ môn) thuộc Trường theo quy định tại Quyết định số 1785 đã được đổi tên gồm:

+ Phòng Kế toán - Tài vụ (được đổi tên thành Phòng Kế hoạch - Tài chính theo Quyết định số 252/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 19/10/2018 của Hiệu trưởng).

+ Phòng Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế (được đổi tên thành phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế theo Quyết định số 03/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 03/01/2019 của Hiệu trưởng).

+ Phòng Công tác Học sinh - Sinh viên (được đổi tên thành phòng Công tác sinh viên theo Quyết định số 03/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 03/01/2019 của Hiệu trưởng).

+ Khoa Cơ khí chế tạo máy (được đổi tên thành Khoa Cơ khí theo Quyết định số 03/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 03/01/2019 của Hiệu trưởng).

+ Khoa Công nghệ thực phẩm (được đổi tên thành Khoa Khoa học Sinh học ứng dụng theo Quyết định số 03/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 03/01/2019 của Hiệu trưởng).

+ Khoa Sư phạm (được đổi tên thành Khoa Sư phạm kỹ thuật và Xã hội nhân văn theo Quyết định số 03/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 03/01/2019 của Hiệu trưởng).

+ Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ sư phạm (được đổi tên thành Trung tâm Đào tạo Sau đại học và Bồi dưỡng chuyên môn theo Quyết định số 03/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 03/01/2019 của Hiệu trưởng).

+ Bộ môn Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng (được đổi tên thành Trung tâm Giáo dục thể chất và Quốc phòng An ninh theo Quyết định số 252/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 19/10/2018 của Hiệu trưởng).

+ Bộ môn Ngoại ngữ (được đổi tên thành Trung tâm ngoại ngữ theo Quyết định số 253/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 19/10/2018 của Hiệu trưởng).

- 01 khoa và 02 trung tâm được Hiệu trưởng Trường thành lập mới gồm:

+ Khoa Kinh tế - Luật (thành lập theo Quyết định số 348/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 31/8/2020 của Hiệu trưởng về việc thành lập khoa Kinh tế - Luật).



+ Trung tâm Truyền thông và Thông tin thư viện (thành lập theo Quyết định số 282/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 09/9/2019 của Hiệu trưởng về việc thành lập Trung tâm Truyền thông và Thông tin thư viện).

+ Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (thành lập theo Quyết định số 382/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 30/10/2019 của Hiệu trưởng về việc thành lập Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học thuộc Trường).

### *1.2. Các tổ chức Đảng, đoàn thể*

- Đảng bộ Trường thuộc Đảng uỷ khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Long, gồm 113 đảng viên; cấp ủy gồm 09 đồng chí (Bí thư, 01 Phó bí thư và 07 Chi ủy viên); Đảng bộ Trường gồm 04 chi bộ.

- Công đoàn Trường trực thuộc Công đoàn Bộ LĐTBXH, gồm 335 đoàn viên; Ban chấp hành Công đoàn có 07 người (01 Chủ tịch, 01 Phó chủ tịch và 05 ủy viên).

- Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh của Trường thuộc Tỉnh đoàn Vĩnh Long gồm 4.693 đoàn viên; Ban Chấp hành Đoàn trường có 23 người (Bí thư, 02 Phó bí thư và 20 ủy viên).

### *1.3. Về số lượng, trình độ viên chức, người lao động*

- Tổng số viên chức, người lao động gồm 335 người (199 nam và 136 nữ), trong đó:

+ Viên chức: 88/122 người được giao theo Quyết định số 396/QĐ-LĐTBXH ngày 06/5/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH (trong đó có 104 người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, 18 người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp).

+ Người lao động: 247 người (trong đó, có 26 người làm các công việc theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ; 221 người làm các công việc chuyên môn).

- Số người lao động ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 216 người; số người lao động ký hợp đồng lao động xác định thời hạn: 31 người (là hợp đồng lao động có thời hạn từ 03 tháng trở lên).

## **2. Việc quản lý, sử dụng viên chức, người lao động**

### *2.1. Việc tuyển dụng*

- Số lượng viên chức, người lao động được tuyển dụng từ 01/01/2021 đến thời điểm thanh tra là 47 người (hợp đồng lao động) trong đó năm 2021: 20 người, năm 2022: 27 người.

- Tiếp nhận 01 viên chức (bà Nguyễn Thảo Nguyên); Trường có Quyết định số 322/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 30/8/2021 của Hiệu trưởng về việc tiếp nhận viên chức; có Quyết định số 3281/QĐ-ĐHCT ngày 20/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc chấp thuận cho bà Nguyễn Thảo Nguyên chuyển công tác.



- Việc ký kết hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động: Trường ký hợp đồng lao động để làm các công việc chuyên môn đối với 221 người lao động.

- Việc thực hiện chế độ tập sự, thử việc: đã thực hiện thử việc đối với 03 người lao động; không phát sinh trường hợp tập sự mới đối với viên chức.

*2.2. Việc sắp xếp, bố trí và điều chuyển vị trí việc làm của viên chức, người lao động*

- Trường đã xây dựng Đề án vị trí việc làm và được Bộ thẩm định, phê duyệt theo Quyết định số 818/QĐ-LĐTĐ ngày 28/6/2018.

- Việc điều chuyển vị trí việc làm của viên chức, người lao động: 14 viên chức (năm 2021: 06 viên chức, năm 2022: 08 viên chức). Trường chưa thực hiện sửa đổi, bổ sung hợp đồng làm việc khi điều chuyển vị trí việc làm đối với viên chức.

- Kiểm tra hồ sơ của bà Quách Thị Thanh Tâm (Giảng viên chính khoa Sinh học ứng dụng), Trịnh Thị Kim Thơ (Giảng viên chính khoa Sư phạm Kỹ thuật và Xã hội nhân văn), Nguyễn Văn Hiếu (Giảng viên Khoa Công nghệ thông tin): Trường đã thực hiện bố trí, phân công công việc đối với viên chức theo vị trí việc làm.

*2.3. Việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, thay đổi và thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức*

Thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức: có 14 trường hợp thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giảng viên (hạng III) lên chức danh giảng viên chính (hạng II). Trường có Công văn số 189/ĐHSPKTVL-TCHC ngày 21/6/2022 gửi Bộ LĐTĐ về việc đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp năm 2022 đối với 14 viên chức.

*2.4. Công tác quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm và thôi giữ chức vụ đối với người quản lý*

*2.4.1. Về công tác quy hoạch:*

- Ban cán sự đảng Bộ LĐTĐ đã ban hành các quyết định phê duyệt quy hoạch đối với Trường: Quyết định số 471-QĐ/BCSD ngày 18/6/2018 về việc phê duyệt danh sách bổ sung quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2021 và quy hoạch giai đoạn 2021-2026 (13 lượt người); Quyết định số 1155-QĐ/BCS ngày 29/10/2020 về việc phê duyệt danh sách bổ sung quy hoạch chức danh giai đoạn 2016-2021 và giai đoạn 2021-2026 (05 lượt người).

- Đảng uỷ Trường đã ban hành Quyết định số 34-QĐ/ĐU ngày 30/7/2019 về việc phê duyệt danh sách cán bộ quy hoạch chức danh lãnh đạo cấp phòng, khoa, bộ môn, trung tâm giai đoạn 2016-2021 và 2021-2026 (202 lượt người bao gồm 89 lượt người lao động và 103 lượt viên chức); Quyết định số 29-QĐ/ĐU ngày 03/11/2021 về việc phê duyệt danh sách cán bộ chức danh lãnh đạo phòng, khoa, bộ môn, trung tâm giai đoạn 2021-2026 (151 lượt người bao gồm 89 lượt người lao động và 62 lượt viên chức).



Trường chưa có bản tổng hợp danh sách cán bộ đưa ra quy hoạch; danh sách rà soát, bổ sung cán bộ quy hoạch giai đoạn 2021-2026 chưa có nội dung quy hoạch cũ, quy hoạch mới; thực hiện quy hoạch chức danh lãnh đạo quản lý cấp phòng, khoa, bộ môn, trung tâm giai đoạn 2021-2026 đối với người lao động.

#### 2.4.2. Về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại:

\*Về bổ nhiệm: trong thời kỳ thanh tra, Trường thực hiện bổ nhiệm đối với 04 trường hợp; trình Bộ bổ nhiệm 01 trường hợp (phụ trách kế toán).

- Kiểm tra hồ sơ bổ nhiệm của ông Lê Hoàng Anh (được bổ nhiệm chức vụ Trưởng khoa Cơ khí theo Quyết định số 246/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 27/6/2022 của Hiệu trưởng), ông Lương Văn Vạn (được bổ nhiệm theo Quyết định số 429/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 29/10/2021 của Hiệu trưởng), ông Mai Hoàng Long (được bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng đào tạo theo Quyết định số 314/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 29/7/2022 của Hiệu trưởng) và bà Nguyễn Nghiêm Thái Minh (được bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính theo Quyết định số 194/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 31/5/2021 của Hiệu trưởng):

+ Ông Lê Hoàng Anh và ông Lương Văn Vạn chưa có kết luận của cấp ủy có thẩm quyền về tiêu chuẩn chính trị.

+ Hồ sơ bổ nhiệm của 03 trường hợp (ông Lê Hoàng Anh, ông Lương Văn Vạn, ông Mai Hoàng Long) chưa có:

- Bản nhận xét, đánh giá của tập thể lãnh đạo đơn vị về phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ, về năng lực công tác trong 3 năm gần nhất của người được bổ nhiệm; bản tự kiểm điểm 3 năm công tác gần nhất của người được bổ nhiệm.

- Giấy chứng nhận sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 06 tháng; sơ yếu lý lịch viên chức do cá nhân tự khai theo mẫu quy định, được đơn vị sự nghiệp công lập trực tiếp quản lý xác nhận, có dán ảnh màu khổ 4x6, chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

+ Hồ sơ bổ nhiệm của bà Nguyễn Nghiêm Thái Minh (được bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính theo Quyết định số 194/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 31/5/2021 của Hiệu trưởng) chưa có bản nhận xét, đánh giá của tập thể lãnh đạo đơn vị về phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ, về năng lực công tác trong 3 năm gần nhất của người được bổ nhiệm theo quy định.

\*Về bổ nhiệm lại: có 01 trường hợp được bổ nhiệm lại (ông Lê Hồng Kỳ, chức vụ Phó hiệu trưởng) theo Quyết định số 461/QĐ-LĐT BXH ngày 02/6/2022 của Bộ LĐT BXH.

- Trong thời kỳ thanh tra, Trường có 02 trường hợp miễn nhiệm chức vụ quản lý với lý do đi học cao cấp lý luận chính trị (ông Nguyễn Thái Vân, Trưởng khoa Cơ khí Động lực, miễn nhiệm theo Quyết định số 349/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 21/9/2021 của Hiệu trưởng và ông Lê Hoàng Anh, Trưởng khoa Cơ khí, miễn nhiệm theo Quyết định số 350/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 21/9/2021 của Hiệu trưởng). Sau thời gian đi học, ông Lê Hoàng Anh được bổ



nhiệm chức vụ Trưởng khoa Cơ khí, ông Nguyễn Thái Vân được giao Phụ trách phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế.

Việc thực hiện miễn nhiệm chức vụ quản lý đối với 02 trường hợp trên chưa theo quy trình tại khoản 2 Điều 55 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ (chưa có văn bản đề xuất việc miễn nhiệm viên chức của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng viên chức hoặc bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ đối với cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ; chưa tổ chức biểu quyết bằng phiếu kín về việc miễn nhiệm viên chức).

#### *2.5. Việc thực hiện chế độ thôi việc, nghỉ hưu*

- Thôi việc: năm 2021, 06 trường hợp thôi việc (người lao động); năm 2022, 08 trường hợp thôi việc (người lao động).

- Nghỉ hưu: năm 2021, 04 trường hợp nghỉ hưu (03 viên chức, 01 hợp đồng lao động); năm 2022, 02 trường hợp nghỉ hưu (02 viên chức).

- Kiểm tra hồ sơ của ông Lê Phước Thọ và ông Lâm Đức Toàn: Trường đã ra thông báo nghỉ hưu đối với viên chức nghỉ hưu đảm bảo trước 6 tháng tính đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định; Trường đã ra quyết định nghỉ hưu đối với 02 viên chức theo quy định.

- Kiểm tra hồ sơ của bà Nguyễn Ngọc Phương Trang, giảng viên Khoa công nghệ thông tin, Trường đã ban hành các Quyết định số 96/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 25/02/2022 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Nguyễn Ngọc Phương Trang; kiểm tra hồ sơ của ông Phạm Minh Nhựt, giảng viên Trung tâm truyền thông - Thông tin thư viện: Trường đã ban hành Quyết định số 190/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 10/5/2022 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông Phạm Minh Nhựt.

#### *2.6. Việc thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp và các chế độ, chính sách đãi ngộ khác đối với viên chức, người lao động*

- Trường trả lương vào ngày đầu tháng, tiền lương được chuyển vào tài khoản của viên chức, người lao động.

- Trường thực hiện xếp bậc lương và trả lương theo thang lương, bảng lương quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ đối với viên chức; đã xây dựng thang lương, bảng lương để áp dụng cho người lao động đang làm việc tại Trường (theo Quyết định số 334/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 22/8/2022 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế phân phối tiền lương thu nhập cho lao động theo chế độ hợp đồng lao động).

Kiểm tra bảng lương tháng 10/2022: Trường trả mức lương thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định đối với 115 người lao động (*chi tiết tại Phụ lục số 03 kèm theo*).

- Việc nâng bậc lương đối với viên chức, người lao động: đã thực hiện nâng bậc lương đối với 122 viên chức và người lao động; 11 trường hợp nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức và người lao động, trong đó:



+ Năm 2021: thực hiện nâng bậc lương thường xuyên đối với 55 viên chức và người lao động; 02 trường hợp nâng bậc lương trước thời hạn.

+ Năm 2022: thực hiện nâng bậc lương thường xuyên đối với 67 viên chức và người lao động; 09 trường hợp nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức và người lao động.

Trường đã ban hành Quyết định số 597/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 28/12/2020 về việc thành lập hội đồng lương năm 2021 và Quyết định số 485/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 31/12/2021 về việc thành lập hội đồng lương năm 2022. Hội đồng lương gồm 05 thành viên; đã thực hiện họp hàng quý để rà soát, lập danh sách các trường hợp đủ điều kiện nâng bậc lương; cuộc họp của hội đồng lương được ghi thành biên bản. Đối với việc nâng bậc lương trước thời hạn, Trường đã thực hiện rà soát, lập danh sách các trường hợp đủ điều kiện nâng bậc lương, báo cáo Bộ LĐT BXH xem xét, phê duyệt trước khi ra quyết định nâng bậc lương.

- Đã thực hiện các chế độ phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp ưu đãi nhà giáo, phụ cấp nhân viên.

#### *2.7. Việc đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động*

- Trường đã ban hành Quyết định số 435/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 11/11/2021 của Hiệu trưởng quy định đánh giá, xếp loại đối với công chức, viên chức và người lao động; đã thực hiện việc đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động, kết quả:

+ Năm 2021: có 132 người hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 162 người hoàn thành tốt nhiệm vụ; không có trường hợp xếp loại hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ.

+ Năm 2022: chưa tiến hành đánh giá, xếp loại.

- Kiểm tra hồ sơ đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động cho thấy: phiếu đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức chưa được lưu trong hồ sơ viên chức.

#### *2.8. Công tác khen thưởng và kỷ luật viên chức*

- Về thi đua, khen thưởng: việc bình xét thi đua, khen thưởng tại Trường được tiến hành cùng với việc kiểm điểm, đánh giá công tác năm; Trường đã thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng năm 2020-2021 (theo Quyết định số 145/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 06/4/2021 của Hiệu trưởng); đã ban hành Quy chế Thi đua - Khen thưởng kèm theo Quyết định số 323/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 10/8/2022 của Hiệu trưởng.

Kết quả: năm 2021, có 282 người đạt danh hiệu lao động tiên tiến, 03 chiến sỹ thi đua cấp Bộ, 21 tập thể lao động tiên tiến, 08 tập thể lao động xuất sắc; năm 2022: chưa tiến hành bình xét thi đua.

- Về kỷ luật: trong thời kỳ thanh tra, Trường không có trường hợp bị xử lý kỷ luật.



### III. Công tác quản lý đầu tư; quản lý tài chính, tài sản

#### 1. Công tác quản lý đầu tư, mua sắm

Kiểm tra 02 gói thầu trong thời kỳ thanh tra, cụ thể:

1.1. Gói thầu "máy móc thiết bị phòng thực hành mô phỏng" (hình thức: chào hàng cạnh tranh qua mạng, giá gói thầu 419.715.000 đồng).

- Lập hồ sơ mời thầu (HSMT): Trường ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Tư vấn xây dựng và Dịch vụ Phúc Khang tư vấn lập HSMT; ký hợp đồng với Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Covico để đánh giá hồ sơ dự thầu (HSDT).

- Ngày 23/01/2021, Trường ban hành Quyết định số 57/QĐ-ĐHSPKTVL về việc phê duyệt dự toán máy, thiết bị thực hành phòng mô phỏng; ngày 05/4/2021, Trường ban hành Quyết định số 142/QĐ-ĐHSPKTVL về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu máy, thiết bị thực hành phòng mô phỏng.

- Ngày 16/3/2021, Trường ban hành Quyết định số 85/QĐ-ĐHSPKTVL về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu máy, thiết bị thực hành phòng mô phỏng, đã thông báo mời thầu trên trang muasamcong.mpi.gov.vn và báo đấu thầu; đóng, mở thầu theo thời gian quy định tại hồ sơ mời thầu.

- Trên cơ sở Tờ trình số 62/TTr-PK.21 ngày 28/4/2021 của Tổ chuyên gia; báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu của Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Covico, chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH Thẩm định giá Tây Nam, bản thương thảo hợp đồng, ngày 12/5/2021, Trường ban hành Quyết định số 175/QĐ-ĐHSPKTVL về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu máy, thiết bị thực hành phòng mô phỏng.

- Ngày 17/5/2021, Trường và Công ty cổ phần I.P.L. ký kết hợp đồng số 02/HĐ/ĐHSPKTVL-IPL về việc cung cấp máy, thiết bị.

Trường chưa trình Bộ phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định.

1.2. Gói thầu "cải tạo, sửa chữa nhà 11 tầng" (hình thức chào hàng cạnh tranh qua mạng, giá gói thầu: 2.954.659.000 đồng)

- Có Quyết định số 424/QĐ-LĐT BXH ngày 02/4/2021 của Bộ LĐT BXH về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Đã ký kết hợp đồng với Công ty TNHH MTV Tư vấn xây dựng và Dịch vụ Phúc Khang để lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu. Căn cứ tờ trình số 01/TTr-BTV của Ban tư vấn, Trường đã ban hành Quyết định số 146/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 07/04/2021 về việc phê duyệt HSMT, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu (HSDT).

- Đã thông báo mời thầu, phát hành hồ sơ mời thầu theo quy định; việc đóng, mở thầu theo thời gian quy định tại hồ sơ mời thầu.

- Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu: trên cơ sở báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật tại tờ trình số 33/TTr-PK.21 của Tổ chuyên gia ngày 05/05/2021 về việc thương thảo hợp đồng và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cải tạo, sửa chữa nhà 11 tầng, Trường ban hành Quyết định số



168/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 06/5/2021 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật gồm 01 Công ty (Công ty TNHH kỹ thuật Lê Gia Vina); hồ sơ đề xuất (HSĐX) về tài chính được mở ngày 05/05/2021 có 01 nhà thầu đáp ứng (Công ty TNHH kỹ thuật Lê Gia Vina, giá dự thầu: 2.900.933.960 đồng).

- Công tác ký kết hợp đồng: ngày 20/5/2021, Trường và Công ty TNHH kỹ thuật Lê Gia Vina ký kết hợp đồng số 20.5.2021/ĐHSPKTVL-LG VINA.

- Trường chưa thực hiện việc rà soát, cập nhật giá để phê duyệt lại dự toán gói thầu phù hợp với đơn giá tại thời điểm lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 424/QĐ-LĐTĐ ngày 02/4/2021 về phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Kiểm tra bảng tổng hợp giá trị quyết toán hoàn thành (quyết toán khối lượng) đối với hạng mục cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh thuộc dự án cải tạo, sửa chữa nhà 11 tầng của trường năm 2021 theo hợp đồng thi công xây dựng công trình số 20.5.2021/SPKTVL-LG VINA ngày 20/5/2021 cho thấy: một số nội dung công việc, Trường thanh toán theo dự toán được duyệt mà không theo thực tế khối lượng thi công hoàn thành với giá trị giảm trừ là 158.070.000 đồng (*chi tiết tại Phụ lục số 04 kèm theo*).

## **2. Quản lý tài chính, tài sản**

### **2.1. Công tác lập, giao dự toán nguồn NSNN**

- Năm 2021: Dự toán Bộ giao là 27.148 triệu đồng (bằng 78,8% dự toán do Trường lập), trong đó: kinh phí thường xuyên là 12.947 triệu đồng (bằng 90%); kinh phí không thường xuyên là 14.201 triệu đồng (bằng 70,8%).

- Năm 2022: Dự toán Bộ giao là 22.988 triệu đồng (bằng 72,6% dự toán do Trường lập), trong đó: kinh phí thường xuyên là 9.093 triệu đồng (bằng 70,8%); kinh phí không thường xuyên là 13.895 triệu đồng (bằng 74%) (*chi tiết tại Phụ lục số 05 kèm theo*).

### **2.2. Tình hình quyết toán kinh phí năm 2021**

Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán là 30.547 triệu đồng (bằng 99,7% kinh phí được sử dụng trong năm), trong đó kinh phí thường xuyên là 12.847 triệu đồng (bằng 99,2%); kinh phí không thường xuyên là 17.700 triệu đồng (bằng 100%) (*chi tiết tại Phụ lục số 06 kèm theo*).

### **2.3. Việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ**

Trường ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 kèm theo Quyết định số 598/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 28/12/2020.

- Căn cứ ban hành Quy chế: Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 16/2015/NĐ-CP).

- Một số nội dung trong Quy chế chưa đúng quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP. Cụ thể:



+ Quy định về trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi quy định tại Điều 45 Quy chế, nội dung “Trích 02 quỹ này tối đa không quá 02 tháng tiền lương, tiền công và thu nhập tăng thêm bình quân trong năm”.

+ Quy định về sử dụng quỹ phúc lợi tại khoản 4 Điều 46 Quy chế, nội dung “hỗ trợ các đơn vị - tổ chức trong và ngoài trường”.

2.4. Nguồn thu (chi tiết tại Phụ lục số 07 kèm theo)

2.5. Chi phí theo khoản mục (chi tiết tại Phụ lục số 08 kèm theo)

2.6. Việc trích lập và sử dụng các quỹ

Trong năm 2021, Trường đã thực hiện trích và sử dụng các quỹ như sau:

a) Quỹ khen thưởng, phúc lợi: số trích trong năm: 5.000 triệu đồng; sử dụng quỹ: 3.778,6 triệu đồng; dư quỹ cuối kỳ: 7.462,8 triệu đồng.

b) Quỹ bổ sung thu nhập: số trích trong năm: 11.000 triệu đồng; sử dụng quỹ: 12.003,7 triệu đồng; dư quỹ cuối kỳ: 4.710,7 triệu đồng. Trường sử dụng quỹ đúng quy định.

c) Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: số trích từ thặng dư hoạt động trong năm: 30.076 triệu đồng; sử dụng quỹ: 12.578 triệu đồng; dư quỹ cuối kỳ: 71.444 triệu đồng (trong đó 20.923 triệu đồng hình thành quỹ từ trích khấu hao TSCĐ). Trường sử dụng quỹ chi khuyến khích cho cán bộ, giảng viên có bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài hoặc tham gia hội nghị quốc tế năm 2021 và năm 2022 với tổng số tiền: 1.577.091.052 đồng, là không đúng quy định về chi quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 14 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ (chi tiết tại Phụ lục số 09 kèm theo).

d) Chưa trích quỹ học bổng khuyến khích học tập 8% nguồn thu học phí theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ.

- Số tiền phải trích năm 2021:  $86.396.448.838 \text{ đồng} \times 8\% = 6.911.715.907 \text{ đồng}$ .

- Trường đã chi học bổng cho sinh viên năm 2021, hạch toán vào bên nợ tài khoản 642 số tiền: 1.875.450.000 đồng.

2.7. Quản lý tiền mặt, tiền gửi

a) Tiền mặt:

Số dư tiền mặt cuối năm tài chính trên báo cáo tài chính: 113.209.558 đồng, khớp với biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt ngày 31/12/2021.

b) Tiền gửi:

Số dư tiền gửi ngân hàng, kho bạc nhà nước thời điểm ngày 31/12/2021 là: 70.538.672.278 đồng. Trong đó, 39.538.672.278 đồng là tiền gửi tài khoản thanh toán Trường ghi nhận trên tài khoản 112 (tiền gửi ngân hàng); 31.000.000.000 đồng là tiền gửi có kỳ hạn Trường ghi nhận trên tài khoản 138 (phải thu khác).

Số dư tiền gửi thanh toán tại ngân hàng thời điểm ngày 31/12/2021 trên báo cáo tài chính khớp với đối chiếu, thông báo số dư của ngân hàng, kho bạc nơi Trường mở tài khoản.



## 2.8. Việc quản lý và sử dụng tài sản

- Trường đã thực hiện kiểm kê tài sản cuối năm tài chính, lập biên bản kiểm kê đối với từng bộ phận (phòng, khoa), tuy nhiên nhiều tài sản trong biên bản kiểm kê thiếu nguyên giá tài sản, chưa tổng hợp biên bản kiểm kê tài sản toàn đơn vị theo mẫu số 53-HD ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính (sau đây gọi tắt là Thông tư số 107/2017/TT-BTC), gây khó khăn cho công tác kiểm tra, đối chiếu, xác định tài sản thiếu (thừa) tại Trường.

- Chưa lập sổ tài sản cố định theo mẫu số S24-H ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC.

- Trường ra quyết định chỉ định thầu mua sắm tài sản nhiều lần trong năm và trực tiếp mua sắm tài sản thuộc danh mục tài sản phải mua sắm tập trung theo Quyết định số 63/QĐ-LĐTĐ ngày 11/01/2019 của Bộ LĐTĐ (chi tiết tại Phụ lục số 10 kèm theo).

- Kiểm tra xác suất tài sản cố định mua sắm trong năm 2021 cho thấy: một số tài sản không có trong biên bản kiểm kê tài sản cuối năm 2021 như: máy tính Macbook Air 2020 mua ngày 26/01/2021, nguyên giá 68.200.000 đồng (mua theo đề nghị cấp cho khoa Công nghệ thông tin), 01 Ti vi Samsung mua ngày 09/4/2021, 01 Ti vi Samsung mua ngày 11/6/2021, nguyên giá 19.500.000 đồng/chiếc.

- Tình hình biến động tài sản cố định trong năm 2021 (chi tiết tại Phụ lục số 11 kèm theo).

Từ 01/01/2021 đến thời điểm thanh tra, Trường không phát sinh thanh lý, giảm tài sản.

## 2.9. Công nợ phải thu phải trả

### 2.9.1. Công nợ phải thu thời điểm ngày 31/12/2021

- Phải thu tạm ứng (TK141): 3.047.730.000 đồng. Chủ yếu là số tiền tạm ứng cho giảng viên đi học Tiến sĩ trong và ngoài nước. Cuối năm tài chính, Trường đã ký biên bản xác nhận công nợ với cán bộ, giảng viên đầy đủ.

- Phải thu khách hàng (TK131): 1.037.000.000 đồng, là số tiền phải thu của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp theo hợp đồng tổ chức kỳ thi kỹ năng nghề quốc gia. Năm 2022, Tổng cục giáo dục nghề nghiệp đã thanh toán cho Trường số tiền trên.

- Phải thu khác (TK 138): 31.000.000.000 đồng, là tiền gửi có kỳ hạn của Trường tại ngân hàng.

### 2.9.2. Công nợ phải trả thời điểm ngày 31/12/2021

Phải trả khác (TK 3381): 1.572.366.353 đồng.

## 2.10. Việc kê khai, quyết toán thuế

Trường đã nộp tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế giá trị gia tăng (GTGT) năm 2021 đúng thời hạn.



- Thuế TNDN: số tiền thuế TNDN phải nộp trên báo cáo tài chính năm 2021 chênh lệch lớn hơn tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2021 số tiền: 405.757.670 đồng.

- Thuế GTGT: số tiền thuế GTGT phải nộp trên báo cáo tài chính chênh lệch nhỏ hơn tờ khai thuế GTGT quý IV năm 2021 số tiền: 8.463.300 đồng.

- Thuế TNCN: Trường chưa kê khai khoản chi khuyến khích cho cán bộ, giảng viên có bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài vào thu nhập chịu thuế theo quy định tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính.

*2.11. Việc chấp hành các quy định về chi NSNN, chi từ nguồn thu phí được để lại*

- Sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên NSNN cấp để chi học bổng, khen thưởng cho sinh viên số tiền: 993.500.000 đồng (phiếu chi số 00185 ngày 08/6/2021).

- Chi từ nguồn thu phí được để lại một số nội dung chưa đúng quy định. Cụ thể: năm 2021, chi mua quà tặng tổng số tiền: 130.650.000 đồng (CTG00201 ngày 04/2/2021, CTG00300 ngày 04/03/2021).

*2.12. Việc chấp hành pháp luật về kế toán, chế độ kế toán (chứng từ, sổ kế toán, công khai tài chính, bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán):*

- Đơn vị thực hiện chế độ kế toán theo chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC.

- Công tác lập báo cáo tài chính: đã lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo quy định.

- Về hạch toán kế toán: Trường hạch toán kịp thời nghiệp vụ kinh tế phát sinh, sử dụng chứng từ kế toán đúng mẫu biểu quy định.

- Sổ kế toán: phần kế toán tài sản cố định chưa mở đầy đủ sổ quản lý tài sản theo quy định, ghi thiếu nguyên giá tài sản trong biên bản kiểm kê.

- Lưu trữ tài liệu kế toán: chứng từ kế toán, sổ kế toán được đóng quyển gọn gàng, sắp xếp khoa học, lưu trữ cẩn thận.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán: Trường áp dụng phần mềm kế toán Misa trong công tác kế toán, tuy nhiên kế toán TSCĐ chưa theo dõi đầy đủ trên phần mềm kế toán.

- Đã công khai dự toán, quyết toán NSNN theo quy định.

#### **IV. Công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN)**

*1. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng*

- Trường đã xây dựng Kế hoạch phòng, chống tham nhũng để triển khai thực hiện, cụ thể:

+ Đã ban hành Quyết định số 42/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 12/01/2021 về việc thành lập ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng năm 2021.



+ Đã ban hành Kế hoạch số 06/KH-ĐHSPKTVL ngày 15/01/2021 về việc thực hiện phòng, chống tham nhũng năm 2021.

- Đã xây dựng Kế hoạch triển khai đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng theo Quyết định số 137/2009/QĐ-TTg ngày 02/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ gồm các nội dung: xây dựng nội dung tuyên truyền giáo dục phòng, chống tham nhũng (tờ rơi tuyên truyền Luật Phòng, chống tham nhũng; làm phim ngắn tuyên truyền và viết bài tuyên truyền giáo dục PCTN trên trang thông tin điện tử nhà trường); giáo dục ngoại khóa (tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ tuyên truyền giáo dục PCTN; cuộc thi trắc nghiệm và viết tìm hiểu về Luật PCTN; báo cáo chuyên đề về PCTN).

- Việc thực hiện công tác kê khai, minh bạch tài sản thu nhập năm 2021:

+ Ngày 09/11/2021, Trường ban hành Kế hoạch số 56/KH-ĐHSPKTVL về việc kê khai và công khai tài sản, thu nhập năm 2021; đã lập biên bản thông báo về việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai (biên bản thông báo ngày 01/12/2021); đã thực hiện niêm yết bản kê khai tài sản thu nhập tại trụ sở Trường; đã lập biên bản thông báo kết thúc việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai (biên bản thông báo ngày 20/12/2021).

+ Số người thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập năm 2021: 22 người, số người đã thực hiện kê khai là 22 người.

Trường đã nộp bản kê khai tài sản, thu nhập về Vụ Tổ chức cán bộ và Thanh tra theo quy định.

## ***2. Việc tiếp nhận xử lý, giải quyết tố cáo về tham nhũng và phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng***

Trong thời kỳ thanh tra, Trường không có đơn tố cáo về tham nhũng, không phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng.

## **3. Thực hiện cải cách hành chính, áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của đơn vị**

### ***3.1. Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành***

- Trường đã cài đặt phần mềm quản lý cán bộ công chức, viên chức chung của Bộ; các cán bộ, giảng viên của Trường sử dụng hộp thư điện tử @vlute.edu.vn; đã sử dụng chữ ký số cho các giao dịch điện tử.

- Hiện tại, Trường đang áp dụng một số phần mềm: phần mềm quản lý lịch biểu (<http://qllb.vlute.edu.vn>) để hỗ trợ xem thời khóa biểu của giảng viên, cán bộ thanh tra, điểm danh sinh viên, chấm giờ giảng thực tế; phần mềm quản lý khoa học (<http://qlkh.vlute.edu.vn>) để hệ thống quản lý các đề tài, bài báo và thành tích nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng viên; phần mềm quản lý đào tạo (<http://qldt.vlute.edu.vn>, <http://ems.vlute.edu.vn>, <http://dtbd.vlute.edu.vn>) và phần mềm (<http://elearning.vlute.edu.vn>).



- Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý văn bản: Trường chưa triển khai phần mềm quản lý văn bản điện tử; việc phân công xử lý văn bản được xử lý thủ công và gửi qua thư điện tử.

### **3.2. Tình hình dịch vụ công trực tuyến, một cửa điện tử**

Trường không có thủ tục hành chính, dịch vụ công. Vì vậy, tại Trường không triển khai các phần mềm dịch vụ công trực tuyến/một cửa điện tử.

### **3.3. Tình hình triển khai hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu chuyên ngành**

- Trang website <http://vlute.edu.vn> được xây dựng từ năm 2009 trên nền tảng công nghệ cũ, không đảm bảo an toàn, bảo mật.

- Triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản: quản lý thông tin khoa học, quản lý tài chính - kế toán, quản lý thiết bị, quản lý đào tạo, các ứng dụng khác có liên quan đến quản lý thi trực tuyến, thư viện, đào tạo, quản lý điểm, quản lý sinh viên; triển khai ứng dụng phần mềm nguồn mở; đã trang bị và sử dụng phần mềm Zoom để thực hiện đào tạo trực tuyến trong năm 2021.

### **3.4. Tình hình triển khai đảm bảo an toàn, an ninh mạng**

Trường xây dựng hệ thống điện toán đám mây giám sát quá trình sử dụng máy tính thực hành tại các phòng máy tính ứng dụng ảo hoá máy tính; sử dụng Firewall bảo mật hệ thống mạng, hệ thống máy chủ (Firewall Cisco ASA5516); thành lập mô hình “Phòng, chống vi phạm an ninh mạng trong Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long” và kế hoạch thực hiện; triển khai hệ thống nhận diện khuôn mặt trong công tác thi ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, giảng dạy tại các phòng thực hành máy tính của khoa công nghệ thông tin.

## **V. Tình hình tiếp nhận, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo**

Ban Thanh tra nhân dân của Trường đã bố trí các hòm thư để tiếp nhận các đơn thư khiếu nại, tố cáo. Trong thời kỳ thanh tra, Trường không có đơn tố cáo về tham nhũng, không phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng.

## **C. KẾT LUẬN**

### **I. Những nhiệm vụ Trường đã thực hiện**

1. Đã xây dựng chiến lược, kế hoạch tổng thể phát triển Trường qua từng giai đoạn, kế hoạch hoạt động hàng năm.

2. Đã xây dựng đề án vị trí việc làm và được Bộ LĐTBXH thẩm định, phê duyệt theo Quyết định số 818/QĐ-LĐTBXH ngày 28/6/2018.

3. Đã ra thông báo nghỉ hưu đối với viên chức đảm bảo thời gian quy định (cụ thể tại mục 2.5 Phần II Kết luận thanh tra).

4. Đã ban hành quyết định thành lập hội đồng lương; đã có biên bản họp hàng quý của Hội đồng lương để rà soát, lập danh sách các trường hợp đủ điều kiện nâng bậc lương.



5. Đã thực hiện đánh giá, xếp loại đối với công chức, viên chức và người lao động.

6. Đã thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; ban hành Quy chế Thi đua - Khen thưởng và thực hiện bình xét thi đua khen thưởng cuối năm.

7. Đã thực hiện đối chiếu công nợ cuối năm theo quy định.

8. Đã công khai dự toán, quyết toán NSNN năm 2021 theo quy định.

9. Đã nộp tờ khai quyết toán thuế đúng thời hạn.

10. Đã lập biên bản kiểm kê tiền mặt; số liệu trên biên bản kiểm kê khớp với số tiền trên sổ quỹ tiền mặt.

11. Đã hạch toán kịp thời, đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh; lập đầy đủ báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo quy định.

12. Đã tổ chức kê khai tài sản đối với người có nghĩa vụ kê khai; lập biên bản thông báo về việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập và thực hiện niêm yết bản kê khai tài sản thu nhập.

13. Đã áp dụng một số phần mềm để phục vụ công tác giảng dạy (phần mềm quản lý lịch biểu <http://qllb.vlute.edu.vn>; phần mềm quản lý khoa học <http://qlkh.vlute.edu.vn>; phần mềm quản lý đào tạo <http://qldt.vlute.edu.vn>, <http://ems.vlute.edu.vn>, <http://dtbd.vlute.edu.vn> và phần mềm <http://elearning.vlute.edu.vn>).

14. Đã trang bị và sử dụng phần mềm Zoom để phục vụ công tác đào tạo trực tuyến.

## **II. Những nhiệm vụ Trường chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đúng, chưa đầy đủ**

### **1. Việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng viên chức**

1.1. 07/7 phòng, 05/9 khoa, 05/5 trung tâm chưa đủ số lượng viên chức để thành lập phòng, khoa, trung tâm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ.

1.2. Ban hành các quyết định thành lập 01 khoa và 02 trung tâm (Khoa Kinh tế - Luật, Trung tâm Truyền thông và Thông tin thư viện, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học); ban hành các quyết định đổi tên 09 phòng, khoa, trung tâm, bộ môn (chi tiết tại mục 1.1 phần II của Kết luận thanh tra) khi chưa được phê duyệt là chưa đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ và Quyết định số 1785/QĐ-LĐTĐ ngày 21/11/2013 của Bộ LĐTĐ.

1.3. Chưa có bản tổng hợp danh sách cán bộ đưa ra quy hoạch; danh sách rà soát, bổ sung cán bộ quy hoạch giai đoạn 2021-2026 chưa có nội dung quy hoạch cũ, quy hoạch mới là chưa đúng Hướng dẫn số 200-HD/BCSD ngày 13/6/2017 của Ban cán sự Đảng Bộ LĐTĐ; thực hiện quy hoạch chức danh lãnh đạo quản lý cấp phòng, khoa, bộ môn, trung tâm giai đoạn 2021-2026 đối với người lao động là chưa đúng quy định tại Điều 1 Quy định số 50-QĐ/TW ngày 27/12/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác quy hoạch cán bộ.



1.4. Thực hiện bổ nhiệm 04 trường hợp: ông Lê Hoàng Anh, ông Lương Văn Vạn, bà Nguyễn Nghiêm Thái Minh và ông Mai Hoàng Long khi chưa có kết luận tiêu chuẩn chính trị (đối với ông Lê Hoàng Anh và ông Lương Văn Vạn), chưa có đầy đủ hồ sơ đối với 04 trường hợp nêu trên là chưa đúng quy định tại khoản 3 Điều 44, Điều 48 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ (cụ thể hồ sơ còn thiếu nêu tại mục 2.4.2 phần II Kết luận thanh tra).

1.5. Chưa thực hiện sửa đổi, bổ sung nội dung hợp đồng làm việc khi điều chuyển vị trí việc làm đối với viên chức là chưa đúng quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Viên chức và khoản 3 Điều 20 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

1.6. Thực hiện việc miễn nhiệm ông Nguyễn Thái Vân (Trưởng khoa Cơ khí Động lực) và ông Lê Hoàng Anh (Trưởng khoa Cơ khí) chưa đúng quy trình quy định tại Điều 55 Nghị định số 115/2020/QĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

1.7. Phiếu đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức chưa được lưu trong hồ sơ viên chức theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ.

## **2. Việc thực hiện các quy định của pháp luật lao động**

2.1. Trả lương cho 115 người lao động thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định là chưa đúng quy định tại Điều 90 và Điều 91 Bộ luật Lao động.

2.2. Ký hợp đồng lao động để làm các công việc chuyên môn đối với 221 người lao động là chưa đúng quy định tại Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

## **3. Về công tác quản lý đầu tư, mua sắm**

3.1. Chưa trình Bộ phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu “máy móc thiết bị phòng thực hành mô phỏng” là chưa đúng quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính.

3.2. Chưa thực hiện việc rà soát, cập nhật giá để phê duyệt lại dự toán gói thầu phù hợp với đơn giá tại thời điểm lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 424/QĐ-LĐTĐ ngày 02/4/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐ về phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

3.3. Bảng tổng hợp giá trị quyết toán hoàn thành (quyết toán khối lượng) đối với hạng mục cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh thuộc dự án cải tạo, sửa chữa nhà 11 tầng của Trường năm 2021 theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 20.5.2021/SPKTVL-LG VINA ngày 20/5/2021 cho thấy một số nội dung công việc, Trường thanh toán theo dự toán được duyệt mà không theo thực tế khối lượng thi công hoàn thành với giá trị giảm trừ là 158.070.000 đồng.

## **4. Công tác quản lý tài chính, tài sản**

4.1. Một số nội dung trong Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 (ban hành kèm theo Quyết định số 598/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 28/12/2020 của Trường)



chưa đúng quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ, cụ thể:

+ Quy định về trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi quy định tại Điều 45 Quy chế, nội dung “Trích 02 quỹ này tối đa không quá 02 tháng tiền lương, tiền công và thu nhập tăng thêm bình quân trong năm”.

+ Quy định về sử dụng quỹ phúc lợi tại khoản 4 Điều 46 Quy chế, nội dung “hỗ trợ các đơn vị - tổ chức trong và ngoài trường”.

4.2. Chi khuyến khích cho cán bộ, giảng viên có bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài hoặc tham gia hội nghị quốc tế năm 2021 và 2022 từ quỹ phát triển sự nghiệp tổng số tiền: 1.577.091.052 đồng, là không đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 14 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

4.3. Trường ra quyết định chỉ định thầu mua sắm tài sản nhiều lần trong năm và trực tiếp mua sắm tài sản thuộc danh mục tài sản phải mua sắm tập trung theo Quyết định số 63/QĐ-LĐT BXH ngày 11/01/2019 của Bộ LĐT BXH.

4.4. Chưa trích quỹ học bổng khuyến khích học tập 8% nguồn thu học phí theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ.

- Số tiền phải trích năm 2021: 86.396.448.838 đồng x 8% = 6.911.715.907 đồng.

- Trường đã chi học bổng cho sinh viên năm 2021, hạch toán vào bên nợ tài khoản 642 số tiền: 1.875.450.000 đồng.

4.5. Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng số tiền 31.000.000.000 đồng Trường ghi nhận trên tài khoản 138 (phải thu khác) là chưa đúng hướng dẫn hạch toán theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC.

4.6. Biên bản kiểm kê tài sản cuối năm tài chính của Trường, nhiều tài sản không ghi nguyên giá; chưa tổng hợp biên bản kiểm kê tài sản toàn đơn vị theo mẫu số 53-HD ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC, gây khó khăn cho công tác kiểm tra, đối chiếu, xác định tài sản thiếu (thừa) tại Trường; chưa lập sổ tài sản cố định theo mẫu số S24-H ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC.

4.7. Kiểm kê xác suất một số tài sản cố định mua sắm trong năm 2021, gồm: Máy tính Macbook Air 2020 mua ngày 26/01/2021 nguyên giá 68.200.000 đồng (mua theo đề nghị cấp cho khoa Công nghệ thông tin), 01 Tivi Samsung mua ngày 09/4/2021, 01 Tivi Samsung mua ngày 11/6/2021 nguyên giá 19.500.000 đồng/chiếc không có trong Biên bản kiểm kê tài sản cuối năm 2021. Trường chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 38 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017.

4.8. Số tiền thuế TNDN phải nộp trên báo cáo tài chính năm 2021 chênh lệch lớn hơn tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2021 số tiền 405.757.670 đồng; số tiền thuế GTGT phải nộp trên báo cáo tài chính chênh lệch nhỏ hơn tờ khai



thuế GTGT quý IV năm 2021 số tiền 8.463.300 đồng; phản ánh số liệu chưa đầy đủ, chính xác theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Kế toán 2015.

4.9. Chưa kê khai khoản chi khuyến khích cho cán bộ, giảng viên có bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài vào thu nhập chịu thuế theo quy định tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính.

4.10. Sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên NSNN cấp để chi học bổng, khen thưởng cho sinh viên số tiền: 993.500.000 đồng (Phiếu chi số 00185 ngày 08/6/2021) trong khi Bộ LĐT BXH không giao trong dự toán NSNN hàng năm là không đúng quy định về nguyên tắc chi ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước 2015.

4.11. Chi mua quà tặng tổng số tiền: 130.650.000 đồng (CTG00201 ngày 04/2/2021, CTG00300 ngày 04/03/2021) từ nguồn thu phí được để lại là chưa đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.

### **5. Công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin**

5.1. Chưa triển khai phần mềm quản lý văn bản điện tử, việc phân công xử lý văn bản kết hợp xử lý thủ công và gửi qua thư điện tử, chưa đúng quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

5.2. Trang website <http://vlute.edu.vn> được xây dựng từ năm 2009 trên nền tảng công nghệ cũ, không đảm bảo an toàn, bảo mật.

### **D. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG**

Chánh thanh tra Bộ LĐT BXH đã ban hành Quyết định số 95/QĐ-XPHC ngày 08/11/2022 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với Trường về hành vi: trả lương cho 115 người lao động thấp hơn mức lương tối thiểu do Chính phủ quy định (vi phạm điểm c khoản 3 Điều 17 Nghị định số 12/2022/NĐ-CP ngày 17/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng); tổng số tiền xử phạt là 125.000.000 đồng.

### **E. KIẾN NGHỊ**

#### **1. Đối với Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long**

Từ những thiếu sót trên, Chánh thanh tra Bộ LĐT BXH yêu cầu Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long tổ chức thực hiện những kiến nghị sau:

#### **\*Tổ chức khắc phục sai phạm:**

##### **1.1. Việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng viên chức**

1.1.1. Rà soát, sắp xếp viên chức phù hợp với vị trí việc làm và đáp ứng đủ số lượng để thành lập phòng, khoa, trung tâm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

1.1.2. Rà soát, báo cáo Bộ LĐT BXH xử lý (qua Vụ Tổ chức cán bộ) việc Trường tự thành lập, tình hình hoạt động của 01 phòng, 02 trung tâm và việc ban hành các quyết định đổi tên 09 phòng, khoa, trung tâm, bộ môn khi chưa



được Bộ LĐTBXH phê duyệt; xây dựng phương án sắp xếp các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn trình Bộ LĐTBXH phê duyệt, đảm bảo cơ cấu tổ chức, số lượng nhân sự theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ.

1.1.3. Thực hiện công tác quy hoạch cán bộ theo đúng đối tượng, trình tự, thủ tục và các nội dung quy định tại Quy định số 50-QĐ/TW ngày 27/12/2021 của Ban Chấp hành Trung ương, Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW ngày 15/02/2022 của Ban Tổ chức Trung ương và Hướng dẫn số 273-HD/BCSD ngày 31/10/2022 của Ban cán sự Đảng Bộ LĐTBXH.

1.1.4. Rà soát, báo cáo Bộ LĐTBXH xử lý (qua Vụ Tổ chức cán bộ) việc thực hiện bổ nhiệm, phương án xử lý đối với 04 trường hợp bổ nhiệm nêu tại mục 2.4.2 phần II Kết luận thanh tra; đảm bảo các trường hợp được bổ nhiệm phải có đầy đủ tiêu chuẩn, hồ sơ theo quy định tại Điều 44, Điều 48 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

1.1.5. Thực hiện sửa đổi, bổ sung nội dung hợp đồng làm việc khi điều chuyển vị trí việc làm đối với viên chức theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Viên chức và khoản 3 Điều 20 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

1.1.6. Thực hiện việc miễn nhiệm theo đúng quy trình quy định tại Điều 55 và hồ sơ theo quy định tại khoản 5 Điều 54 Nghị định số 115/2020/QĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ; báo cáo Bộ LĐTBXH (qua Vụ Tổ chức cán bộ) việc thực hiện miễn nhiệm đối với 02 trường hợp trên.

1.1.7. Phiếu đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức phải được lưu trong hồ sơ viên chức theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ.

## ***1.2. Việc thực hiện các quy định của pháp luật lao động***

1.2.1. Trả lương cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định theo quy định tại Điều 90 và Điều 91 Bộ luật lao động.

1.2.2. Thực hiện ký hợp đồng lao động theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ và pháp luật lao động; rà soát, báo cáo Bộ LĐTBXH (qua Vụ Tổ chức cán bộ) tình hình ký kết, thực hiện hợp đồng lao động đối với người lao động đang làm công việc chuyên môn tại Trường; căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn tuyển dụng, xây dựng phương án sắp xếp, kế hoạch tuyển dụng viên chức đối với số người đang ký hợp đồng lao động để làm công việc chuyên môn, trình Bộ xem xét, đảm bảo quy định của pháp luật và quyền lợi của người lao động.

## ***1.3. Về công tác quản lý đầu tư, mua sắm***

1.3.1. Tổ chức hợp, kiểm điểm trách nhiệm cá nhân, tập thể có liên quan đối với các sai phạm nêu tại điểm 3.1, 3.2, 3.3 Phần II Kết luận thanh tra, xử lý hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.



1.3.2. Thu hồi, nộp ngân sách nhà nước qua tài khoản tạm giữ của Thanh tra Bộ LĐTBXH số tiền 158.070.000 đồng do thanh toán không đúng khối lượng thi công thực tế.

#### **1.4. Công tác quản lý tài chính, tài sản**

1.4.1. Sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định của pháp luật. Cụ thể:

- Tại Điều 45 Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021, bỏ nội dung “thu nhập tăng thêm bình quân trong năm” trong phần trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

- Tại khoản 4 Điều 46 Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 bỏ nội dung “hỗ trợ các đơn vị - tổ chức trong và ngoài trường” trong phần sử dụng quỹ phúc lợi.

1.4.2. Hạch toán chuyển số tiền 1.577.091.052 đồng chi khuyến khích cho cán bộ, giảng viên có bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài hoặc tham gia hội nghị quốc tế năm 2021 và 2022 từ quỹ phát triển sự nghiệp sang quỹ khen thưởng, phúc lợi.

1.4.3. Tổng hợp nhu cầu mua sắm tài sản trong năm, lên kế hoạch mua sắm tài sản trình Bộ phê duyệt theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 73 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và khoản 1, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính; chỉ quyết định mua sắm tài sản đối với những tài sản có trong kế hoạch năm đã được Bộ phê duyệt, đồng thời tài sản đó không nằm trong danh sách tài sản phải mua sắm tập trung theo Quyết định số 63/QĐ-LĐTBXH ngày 11/01/2019 của Bộ.

1.4.4. Trích quỹ học bổng khuyến khích học tập 8% nguồn thu học phí theo quy định, số tiền trích quỹ hạch toán vào tài khoản 353 (các quỹ đặc thù) theo hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC; chuyển số tiền 1.875.450.000 đồng đã chi học bổng cho sinh viên đang hạch toán bên nợ tài khoản 642 sang chi từ quỹ học bổng (TK 353).

1.4.5. Chuyển số dư tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng đang ghi nhận tại tài khoản 138 sang tài khoản 121 theo hướng dẫn hạch toán tài khoản 121 quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC để phản ánh đúng bản chất của công nợ phải thu và khoản đầu tư tài chính tại Trường.

1.4.6. Kỳ quyết toán năm 2022, yêu cầu Trường thực hiện những công việc trong công tác kế toán tài sản sau:

- Bổ sung nguyên giá của tất cả các TSCĐ, CCDC còn thiếu trong biên bản kiểm kê.

- Căn cứ tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/05/2018 và quy định riêng của Bộ, thực hiện rà soát, loại bỏ những tài sản không đủ tiêu chuẩn ra khỏi danh mục tài sản cố định để theo dõi, quản lý, sử dụng như quản lý công cụ, dụng cụ lâu bền.

- Tổng hợp biên bản kiểm kê tài sản toàn Trường vào cuối năm tài chính theo mẫu số 53-HD ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC.



- Lập sổ tài sản cố định theo mẫu số S24-H ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC.

- Rà soát, bổ sung những tài sản đã ghi tăng trên sổ kế toán nhưng không có trong biên bản kiểm kê tài sản cuối năm tài chính vào sổ theo dõi tài sản cố định, bảng tính khấu hao, hao mòn tài sản, biên bản kiểm kê tài sản.

- Chấn chỉnh công tác quản lý TSCĐ, CCDC tại Trường, thực hiện nghiêm công tác kiểm kê tài sản để tránh thất thoát tài sản.

1.4.7. Rà soát, kiểm tra, đối chiếu số tiền thuế TNDN, GTGT phải nộp với cơ quan thuế để phản ánh đúng số thuế phải nộp trên báo cáo tài chính và tờ khai thuế.

1.4.8. Bổ sung số tiền chi khuyến khích cho cán bộ, giảng viên có bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài vào thu nhập chịu thuế của các cá nhân thụ hưởng theo quy định.

1.4.9. Hạch toán giảm chi NSNN nguồn kinh phí thường xuyên năm 2021 số tiền đã chi học bổng, khen thưởng cho sinh viên là: 993.500.000 đồng; hạch toán số tiền đã chi trên vào quỹ học bổng học khuyến khích học tập theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ.

1.4.10. Hạch toán chuyển số tiền chi mua quà tặng: 130.650.000 đồng từ nguồn thu phí được để lại sang chi từ quỹ khen thưởng, phúc lợi.

### **1.5. Công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin**

1.5.1. Triển khai phần mềm quản lý văn bản điện tử, việc phân công xử lý văn bản hiện kết hợp xử lý thủ công và gửi qua thư điện tử theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

1.5.2. Nâng cấp trang thông tin điện tử <http://vlute.edu.vn> trên nền tảng công nghệ mới, đảm bảo thuận lợi cho người dùng và thống nhất với phần mềm quản lý đào tạo đang triển khai tại Trường.

**\*Xử lý trách nhiệm:** tổ chức họp kiểm điểm, xác định trách nhiệm tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc để xảy ra các sai phạm nêu tại mục II phần C Kết luận thanh tra, báo cáo Bộ LĐT BXH (qua Vụ Tổ chức cán bộ) về phương án xử lý trách nhiệm đối với các cá nhân có liên quan.

### **2. Đối với Vụ Kế hoạch - Tài chính**

Hướng dẫn và giám sát Trường thực hiện các kiến nghị số 1.4.3; 1.4.6; 1.4.9 phần E Kết luận thanh tra.

### **3. Đối với Vụ Tổ chức cán bộ**

Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ đối với Trường trong công tác cán bộ, cơ cấu tổ chức, giao kết và thực hiện hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật; hướng dẫn xử lý đối với các nội dung liên quan đến cơ cấu tổ chức, sắp xếp, thành lập, đổi tên phòng, khoa, trung tâm, bộ môn; các trường hợp bổ nhiệm và ký kết hợp đồng lao động, hợp



đồng làm việc chưa đúng quy định nêu tại điểm 1.1.2, 1.1.4 phần E Kết luận thanh tra.

#### 4. Tổ chức thực hiện

Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long có trách nhiệm thực hiện các kiến nghị nêu tại mục 1 Phần E Kết luận thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị về Thanh tra Bộ LĐTBXH (địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội) trước ngày 31/12/2022./

#### Nơi nhận:

- Trường ĐHSPTVL (để thực hiện);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Tấn Dũng (để b/c);
- Vụ Kế hoạch - Tài chính (để phối hợp t/h);
- Vụ Tổ chức cán bộ (để phối hợp t/h);
- Trung tâm Thông tin (để phối hợp t/h);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTr, hồ sơ TTr.

#### CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Tiến Tùng

